

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

*(Giấy CNĐKKD số 4800129232 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp đăng ký lần đầu
ngày 01/7/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 16/10/2012)*



PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông Đàm Trung Kỳ – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 52, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Tel: 026. 350 5505

Fax: 026. 385 2579

Website: www.cmamc.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM	4
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	5
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	9
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:	14
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những Công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch	15
4.1 Danh sách Công ty mẹ của CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng	15
4.2 Danh sách Công ty con của CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.....	15
4.3 Danh sách Công ty liên doanh liên kết của CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.....	15
5. Hoạt động kinh doanh	16
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	19
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	22
8. Chính sách đối với người lao động	24
9. Chính sách cổ tức	25
10. Tình hình tài chính.....	25
11. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)	32
12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	37
13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện được của tổ chức đăng ký giao dịch.....	38
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	38
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	42
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY	42
1. Hội đồng quản trị.....	42
2. Ban kiểm soát	48

3.	Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	52
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	55
IV.	PHỤ LỤC	55

I. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, CMAMC, Tổ chức đăng ký đại chúng	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TTCK	Thị trường Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BGD	Ban Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG
Tên tiếng Anh:	CAO BANG MINERAL AND METALLURGICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	CMAMC
Trụ sở chính:	Số 52, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Người đại diện theo Pháp luật:	Ông Đàm Trung Kỳ – Chức vụ: Giám đốc
Số điện thoại:	026 350 5505
Số fax:	026 385 2579
Website:	www.cmamc.com

Logo:



Vốn điều lệ đăng ký:	80.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	80.000.000.000 đồng
Thời điểm trở thành công ty đại chúng:	Năm 2012
Giấy CN ĐKKD:	Số 4800129232 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp ngày 01/7/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/10/2012

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu theo Giấy CNĐKKD:

- + Khảo sát, thăm dò địa chất các loại khoáng sản (kể cả đá quý và vàng);
- + Khai thác, tuyển luyện gia công chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản, vàng, bạc, đá quý, kim loại, phi kim loại, nước khoáng và vật liệu xây dựng;
- + Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành khai thác và chế biến khoáng sản;

- + Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông và cơ sở hạ tầng;
- + Sản xuất thủy điện, xây lắp đường dây và trạm trung thế, hạ thế;
- + Vận tải phục vụ kinh doanh của đơn vị và làm dịch vụ vận tải theo các hợp đồng kinh tế với các thành phần kinh tế;
- + Tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình đầu tư xây dựng ngành khai khoáng, luyện kim, ngành công nghiệp và dân dụng;
- + Trồng, chế biến tiêu thụ: chè đẳng, chè dây, một số sản phẩm đặc sản khác;
- + Các dịch vụ hoạt động khoa học kỹ thuật;
- + Xuất, nhập khẩu các sản phẩm, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Kinh doanh tổng hợp;
- + Sản xuất nước uống tinh khiết, nước chè đẳng, chè dây và các loại nước giải khát;
- + Chiết suất tinh chất chè đẳng, chè dây và các loại thảo dược;
- + Sản xuất kinh doanh rượu, bia;
- + Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2. Giới thiệu về cổ phiếu đăng ký giao dịch

- + Tên cổ phiếu: cổ phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- + Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- + Mã chứng khoán: KCB
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 8.000.000 cổ phiếu.
- + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch (nếu có): không có.
- + Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng tính đến thời điểm 30/04/2015 là 0%.

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng tiền thân là Mỏ Thiếc Tĩnh Túc Cao Bằng. Từ những năm 1950 Mỏ Thiếc Tĩnh Túc Cao Bằng đã được khai thác thủ công. Trước đó cả một thời kỳ khá dài thực dân Pháp khai thác tại Mỏ Thiếc Tĩnh Túc lấy đi Thiếc, Vàng, Vonfram... Năm 1955 được sự giúp đỡ của Liên Xô khảo sát thiết kế và xây dựng. ngày 25/10/1955, lễ khởi công xây dựng tại Mỏ Thiếc Tĩnh Túc Cao Bằng đã được tổ chức long trọng. Đến ngày 06/10/1956, đưa con đầu lòng của nền khai khoáng Luyện kim màu Việt Nam đã ra đời. Thời kỳ đó là nhà máy hiện đại bậc nhất Đông Nam Á.

Trải qua 60 năm hình thành và phát triển, Công ty có một bề dày lịch sử và truyền thống đáng tự hào. Niềm tự hào này là công sức xây đắp của biết bao thế hệ giai cấp công nhân vùng Mỏ. Trong những năm kháng chiến, những thành quả lao động của Công ty đã đóng góp một phần đáng kể trong công cuộc kháng chiến thống nhất đất nước. Sản phẩm truyền thống và nổi tiếng của Công ty là **Thiếc thời thượng phẩm 99,75% Sn**. Trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và trong thời kỳ đổi mới, để tồn tại và phát triển Công ty đã không ngừng cải tiến, thay đổi tư duy, mở rộng sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm.

* Năm 1993 Mỏ Thiếc Tĩnh Túc Cao Bằng đổi tên thành Công ty Kim loại màu Cao

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Bảng.

* Năm 1994; 1995 Công ty mở rộng sản xuất, thăm dò khai thác mỏ sắt Nà Lũng Thuộc xã Duyệt Trung thị xã Cao Bằng thành lập Xí nghiệp Liên doanh khai thác - chế biến quặng sắt Nà Lũng Cao Bằng; Xây dựng thêm 2 lò để sản xuất Ferô Mangan; Ferô Silic tại Mỏ Thiếc Tĩnh Túc tận dụng nguồn thủy điện tự cấp của 3 nhà máy thủy điện Na Han (Bào Lạc); Tà Sa - Nà Ngàn (Nguyên Bình - Hoà An - Cao Bằng), xây dựng thêm Nhà Máy thủy điện Bản Pắt nâng sản lượng điện phục vụ sản xuất.

* Tháng 9 năm 1997, Bộ Công thương có quyết định đổi tên Xí nghiệp Liên doanh khai thác - chế biến quặng sắt Nà Lũng Cao Bằng thành Công ty sắt Cao Bằng; Và đổi tên Công ty Kim loại màu Cao Bằng thành Công ty Khoáng sản I. Tháng 8 năm 2003, Công ty Khoáng sản I sát nhập vào Công ty sắt Cao Bằng và đổi tên thành Công ty Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng;

* Tháng 7 năm 2006, theo lộ trình của Chính phủ, Bộ Công nghiệp đã ký quyết định cổ phần hoá thành Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51,89%.

* Ngày 01/7/2006, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4800129232 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng và cấp thay đổi thứ 05 ngày 16/10/2012 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng.

* Ngày 16/12/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu với tổng số cổ phần lưu ký là 8.000.000 cổ phần.

* Năm 2012, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức được Ủy ban chứng khoán Nhà nước đưa vào danh sách công ty đại chúng.

* Quá trình tăng vốn

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	2008	38.000	80.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 số 773/NQ-KSLK ngày 21/4/2007 thông qua

				phương án được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 1310/NQ- HĐQT	phương án tăng vốn - Nghị quyết HĐQT số 1310/NQ-HĐQT ngày 11/8/2007 thông qua chi tiết phương án tăng vốn. - Giấy CNĐKKD số 1103000045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 06/06/2008. - Quyết định số 91/QĐ-TT của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 10/9/2008
--	--	--	--	--	---

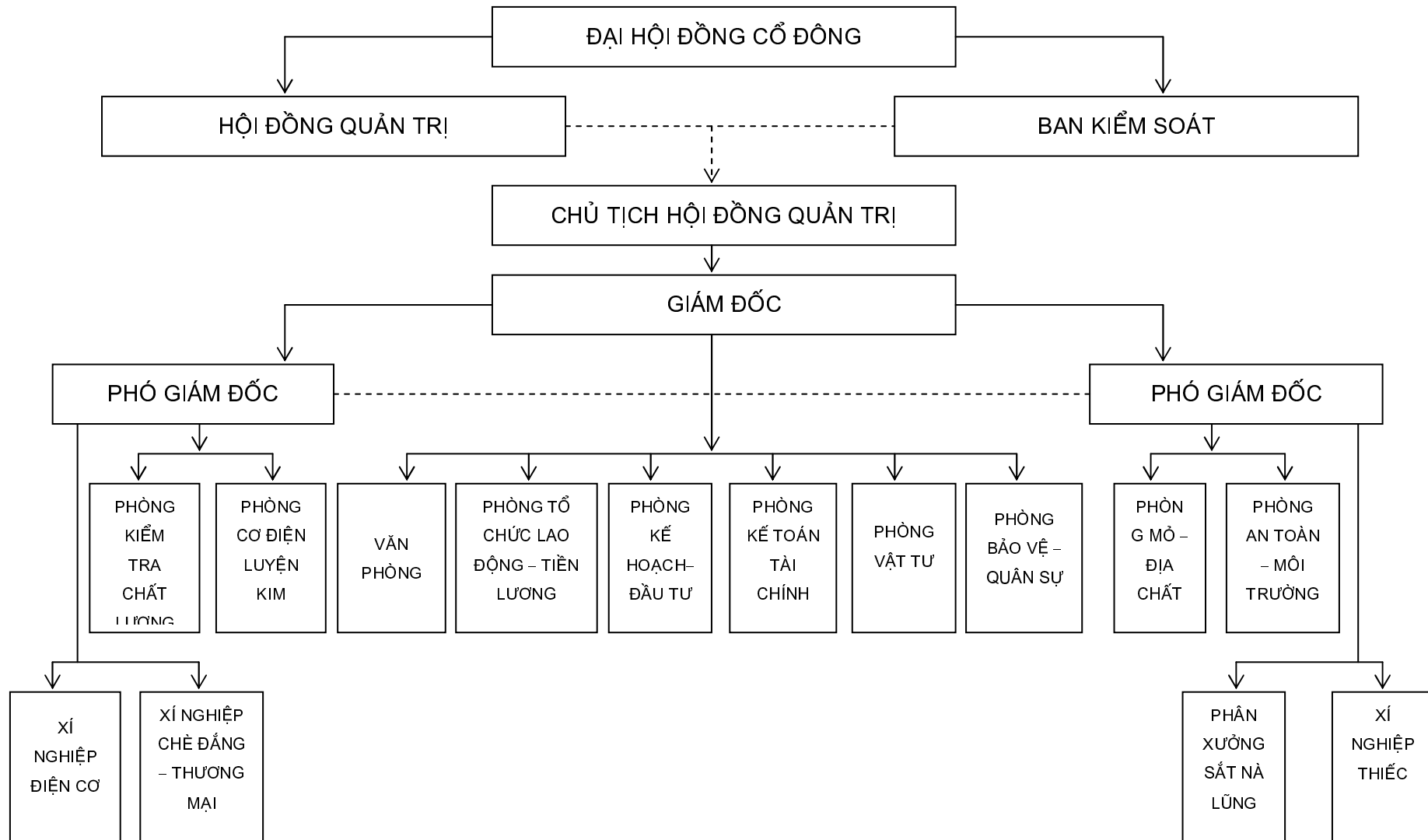
Nguồn: CTCP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng

(*) Tại thời điểm thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, số cổ đông hiện hữu đã vượt quá 100 cổ đông. Theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/6/2006, đợt phát hành của Công ty phải thực hiện thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng. Tuy nhiên, do chưa nắm rõ quy định của pháp luật nên Công ty đã không đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và thực hiện phân phối chứng khoán không đúng theo quy định. Sau khi thực hiện tăng vốn, Công ty đã tiến hành thủ tục kiểm toán vốn và báo cáo về đợt phát hành với Ủy ban chứng khoán nhà nước. Ngày 10/9/2008, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã ra quyết định số 91/QĐ-TT xử phạt hành chính Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng tổng số tiền là 60 triệu đồng do vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 25, Điều 13 và Điều 21 Luật Chứng khoán. Công ty đã hoàn thành việc nộp phạt và sửa đổi đăng ký kinh doanh theo số vốn mới là 80.000.000.000 đồng.

Kể từ đó đến nay, Công ty không có biến động về vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với chi tiết như sau:

2.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

2.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

2.4. Ban Giám đốc

Giám đốc

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyền và nhiệm vụ của Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc.

Phó Giám đốc

Chịu trách nhiệm điều hành trực tiếp và triển khai các chiến lược theo chức năng quản lý, hỗ trợ đắc lực cho Giám đốc đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

2.5. Các phòng nghiệp vụ

Văn phòng Công ty:

Tổng hợp và điều phối công việc theo chương trình công tác của Ban điều hành và Giám đốc Công ty đảm bảo đúng tiến độ, giải quyết tốt mối quan hệ theo chức năng nhiệm vụ các phòng.

Thư ký các cuộc họp, tổ chức quản lý công tác văn thư, lưu trữ, quản lý tài sản, phương tiện làm việc, nhà cửa, trang thiết bị văn phòng của các phòng, ban đơn vị trực thuộc...

Và các công việc được Giám đốc giao.

Phòng Tổ chức- lao động- Tiền lương:

Thực hiện công tác tổ chức cán bộ, tổ chức sản xuất và nhân sự: tham mưu cho Giám đốc về bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ, đề xuất phương án sắp xếp, bố trí, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật, dự thảo hợp đồng lao động ngắn hạn, dài hạn và giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động...

Thực hiện công tác tiền lương: lập kế hoạch tiền lương, xây dựng đơn giá tiền lương, định mức hao phí lao động, chi phí tiền lương, kiểm tra giám sát việc trả lương, phân phối thu nhập...

Các công tác khác được Giám đốc giao.

Phòng Kế hoạch Đầu tư

Đầu mối quản lý công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch giá thành, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hàng năm và dài hạn...

Đầu mối quản lý công tác đầu tư xây dựng, dự thảo và ký kết các hợp đồng xây dựng...

Các công tác khác được Giám đốc giao.

Phòng Tài chính Kế toán

Quản lý và tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán, thống kê của Công ty (bao gồm các đơn vị thành viên).

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, thống kê thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất với các cấp có thẩm quyền.

Các công tác khác được Giám đốc giao.

Phòng Cơ điện- Luyện kim

Chịu trách nhiệm quản lý công tác kế hoạch, vật tư, máy móc thiết bị, công nghệ chế biến sản phẩm của Công ty.

Lập kế hoạch vật tư thiết bị, sửa chữa lớn, kế hoạch bảo trì, hiệu chỉnh, kiểm định các thiết bị máy móc hàng quý, năm.

Theo dõi quản lý, sử dụng và thực hiện định mức của các loại thiết bị (ô tô, máy ủi, máy xúc, dây chuyền công nghệ luyện thiếc, luyện gang, fe rô và các loại máy móc thiết bị chuyên dùng khác).

Các công tác khác được Giám đốc giao.

Phòng Mỏ - Địa chất

Là đầu mối quản lý các tài nguyên - khoáng sản, quản lý các mỏ và toàn bộ hồ sơ đất đai liên quan đến các công trình xây dựng cơ bản và sản xuất kinh doanh Công ty.

Lập kế hoạch khảo sát thăm dò địa chất ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

Theo dõi, cập nhật lấy mẫu phân tích và lập tài liệu theo dõi diễn biến địa chất các thân quặng, các khoáng sản của các mỏ phục vụ cho công tác khai thác thống kê và lập kế hoạch

Công tác trắc địa: Đo vẽ cập nhật hiện trạng các mỏ, đưa các công trình từ bản đồ ra thực địa và ngược lại, tính toán khối lượng, lập hồ sơ tài liệu phục vụ công tác khai thác và các vấn đề liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản, quản lý đất đai Công ty

Lập kế hoạch khai thác tháng, quý, năm, ngắn hạn và dài hạn; lập các hộ chiếu bóc thải, khai thác; nghiệm thu các công trình khai thác, bóc thải theo kế hoạch

Công tác tuyển khoáng: Chủ động phối hợp với các phòng và đơn vị cơ sở xây dựng quy trình công nghệ chế biến tài nguyên khoáng sản, lựa chọn thiết bị tuyển rửa hợp lý.

Các nhiệm vụ khác được Giám đốc giao.

Phòng Vật tư

Tổ chức thực hiện công tác vận tải, giao hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, chủng loại, chất lượng và số lượng hàng hóa đã ký trong hợp đồng.

Phối hợp với các phòng ban và các đơn vị lập kế hoạch về nhu cầu vật tư tháng, quý, năm trên cơ sở sản xuất kinh doanh của Công ty đã được phê duyệt.

Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm

Lấy mẫu và phân tích chất lượng nguyên liệu mua vào một cách trung thực, cung cấp số liệu kịp thời chính xác để phục vụ công tác quản lý của Công ty.

Thống kê đầy đủ, kịp thời và chính xác về số lượng, chất lượng nguyên liệu vật liệu đầu vào và thực thu sản phẩm sau công nghệ.

Các nhiệm vụ khác Giám đốc giao.

Phòng bảo vệ - Quân sự

Quản lý và bảo vệ các loại tài sản, thiết bị, các công trình, nhà xưởng, kho hàng hóa vật tư... theo quy định phân cấp quản lý.

Kết hợp chặt chẽ với chính quyền, công an địa phương: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, giữ gìn trật tự an ninh khu vực, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các đối tượng xấu, bảo vệ các công trình sản xuất được an toàn.

Các nhiệm vụ khác được Giám đốc giao.

Phòng an toàn - Môi trường

Tham mưu giúp việc cho Ban điều hành về công tác quản lý An toàn - Môi trường; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới thuộc lĩnh vực An toàn - Môi trường vào công tác luyện kim, khai thác và thăm dò bảo vệ môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Xây dựng chiến lược và quy hoạch công tác An toàn - Môi trường cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chịu trách nhiệm giám sát theo tiêu chuẩn quy phạm an toàn của các loại thiết bị có quy định nghiêm ngặt về an toàn trong quá trình kiểm tra, kiểm định và sử dụng.

Thường trực công tác điều tra tai nạn lao động, sự cố môi trường, công tác thẩm định các dự án đầu tư cải tạo môi trường, hội đồng Bảo hộ lao động – Vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ thiên tai.

Các nhiệm vụ khác được Giám đốc giao.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

3.1. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
1	Tổ chức	2	4.381.185	43.811.850.000	54,77%
	- Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	1	4.150.869	41.508.690.000	51,89%
	- Công ty Khoáng sản và Đầu tư HBD Việt Nam	1	230.316	2.303.160.000	2,88%
2	Cá nhân	1.025	3.618.815	36.188.150.000	45,23%
	- Cá nhân trong nước	1.025	3.618.815	36.188.150.000	45,23%
	- Cá nhân nước ngoài	-	-	-	-
	Tổng cộng	1.027	8.000.000	80.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 30/4/2015

3.2. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800129232 ngày 01/07/2006. Theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng bài nắm giữ đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

3.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Theo Danh sách cổ đông chốt ngày 30/4/2015, Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

phần của Công ty như sau:

Stt	Tên tổ chức	Địa chỉ/ Mối quan hệ với cổ đông lớn	SLCP (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	193 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội	4.150.869	51,89
2	Đình Huy Chiến	Phố Cò – Sông Công – Thái Nguyên	1.162.857	14,29
Tổng cộng			5.313.726	66,18

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 30/4/2015

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những Công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch

4.1 Danh sách Công ty mẹ của CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

- Tên công ty : Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- Địa chỉ: 193 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội
- Điện thoại: 0462876666 Fax: 0462883333
- Giấy Đăng ký kinh doanh số 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/7/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 21/08/2012
- Vốn điều lệ thực góp: 1.350 tỷ đồng
- Tổng số cổ phần Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: 4.150.869 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu tại tổ chức đăng ký giao dịch: 51,89%
- Giá trị đầu tư: 41.508.690.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sắt, thép, gang.

4.2 Danh sách Công ty con của CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Không có

4.3 Danh sách Công ty liên doanh liên kết của CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Danh sách Công ty liên doanh của CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Không có

Danh sách Công ty liên kết của CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

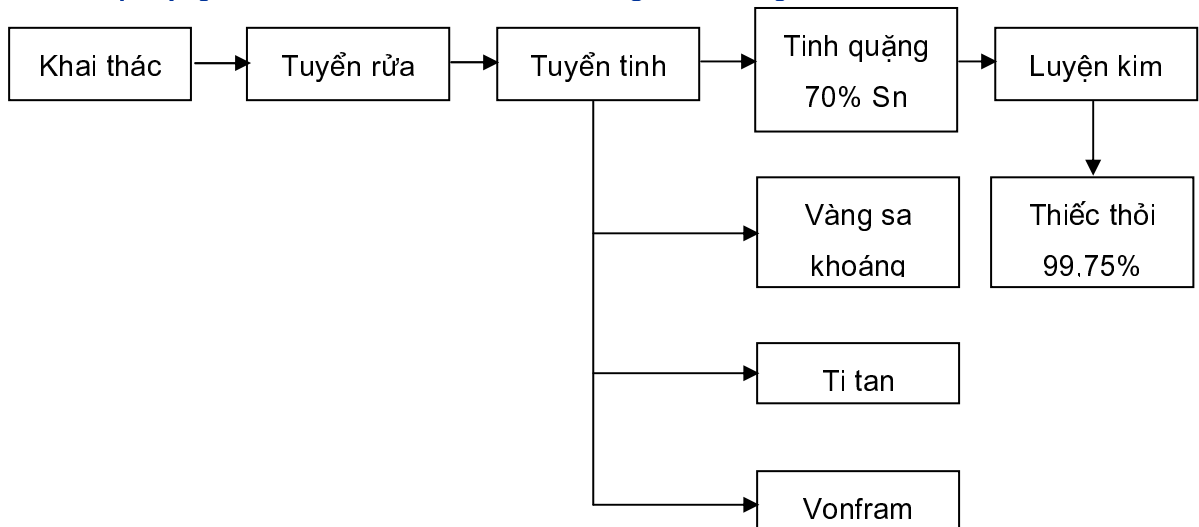
Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

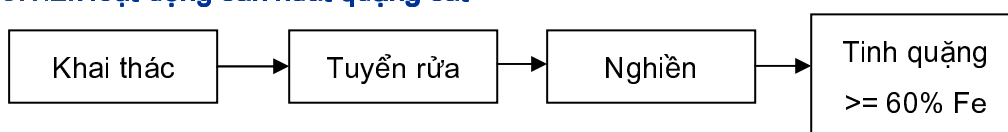
Hiện nay, các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng bao gồm: (1) Sản xuất thiếc thỏi 99,75%, vàng sa khoáng, ti tan, vonfram, quặng sắt, fero silic 45%; (2) Sản xuất điện năng phục vụ nội bộ, sản xuất nước lọc nhãn hiệu Pác Bó, Sản xuất chèn đóng hộp các loại.

5.1.1. Hoạt động sản xuất thiếc thỏi 99,75%, vàng sa khoáng, ti tan, vonfram



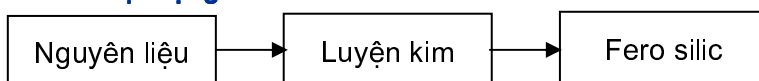
Địa điểm khai thác, kinh doanh: Xí nghiệp Thiếc – thị trấn Tĩnh Túc – huyện Nguyên Bình – tỉnh Cao Bằng.

5.1.2. Hoạt động sản xuất quặng sắt



Địa điểm khai thác, kinh doanh: Phân xưởng Sắt Nà Lũng - Tổ 10 - P.Duyệt Trung - TP Cao Bằng - T. Cao Bằng

5.1.3. Hoạt động sản xuất Fero Si 45%



Địa điểm khai thác, kinh doanh: Xí nghiệp Điện Cơ – Thị trấn Tĩnh Túc – huyện Nguyên Bình – tỉnh Cao Bằng

5.1.4. Hoạt động sản xuất điện năng

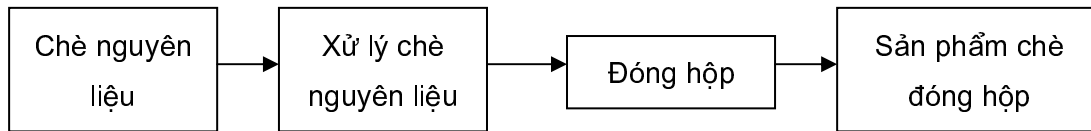
Hiện tại điện năng sản xuất chỉ được phục vụ nội bộ

Công ty đang điều hành hoạt động 04 nhà máy thủy điện thuộc Xí nghiệp điện cơ:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

- 1- Nhà máy thủy điện Na Han, Địa điểm: Huyện Bảo Lạc – Tỉnh Cao Bằng
- 2- Nhà máy thủy điện Bản Pắt, Địa điểm: Huyện Bảo Lạc – Tỉnh Cao Bằng
- 3- Nhà máy thủy điện Tà Sa, Địa điểm: Huyện Nguyên Bình – Tỉnh Cao Bằng
- 4- Nhà máy thủy điện Nà Ngàn, Địa điểm: Huyện Hòa An – Tỉnh Cao Bằng

5.1.5. Hoạt động sản xuất chè đóng hộp các loại



Địa điểm khai thác, kinh doanh: Xí nghiệp Chè Đẳng và Thương Mại – Phố Kim Đồng – Phường Hợp Giang – TP Cao Bằng – tỉnh Cao Bằng.

5.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

5.2.1. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của các nhóm sản phẩm qua các năm

❖ Cơ cấu Doanh thu từng nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		%(+/-)	6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thiếc thời 99,75% Sn	126.449	61,64%	117.010	65,83%	(7,46)%	9.043	64,97%
Quặng sắt	43.000	20,96%	35.492	19,97%	(17,46)%	-	-
Gang lò điện	18.746	9,14%	1.513	0,85%	(91,83)%	-	-
Vàng sa khoáng	8.646	4,21%	5.765	3,24%	(33,32)%	2.567	18,44%
Fero Silic 45% Si	3.053	1,49%	4.896	2,75%	60,37%	440	3,16%
Sản phẩm khác	5.232	2,55%	13.061	7,35%	149,64%	1.869	13,43%
Tổng cộng	205.126	100%	177.737	100%	(13,35)%	13.919	100%

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Doanh thu của Công ty biến động theo chiều giảm qua các năm. Trong cơ cấu doanh thu, tỷ trọng sản xuất thiếc thời 99,75% Sn chiếm tỷ trọng lớn nhất và là hoạt động sản xuất kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

doanh chủ đạo của Công ty.

❖ Lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		%(+/-)	6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT		Giá trị	%DTT
Thiếc thỏi 99,75% Sn	52.411	25,56%	34.750	19,56%	(33,70)%	766	5,50%
Quặng sắt	(9.354)	(4,56)%	(6.801)	(3,42)%	27,29%	-	-
Gang lò điện	(1.452)	(0,71)%	(261)	(0,15)%	82,02%	-	-
Vàng sa khoáng	3.336	1,63%	775	0,44%	(76,77)%	284	2,04%
Fero Silic 45% Si	(542)	(0,03)%	(399)	(0,22)%	37,45%	7	0,05%
Sản phẩm khác	(3.011)	(1,47)%	(2.954)	(1,66)%	1,89%	745	5,35%
Tổng cộng	41.388	20,18%	25.110	14,14%	(39,33)%	1.802	12,95%

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Lợi nhuận gộp của Công ty có xu hướng giảm. Trong cơ cấu các sản phẩm Công ty sản xuất, chỉ có thiếc thỏi 99,75% Sn và vàng sa khoáng là có lợi nhuận gộp dương. Các sản phẩm còn lại đều không cho lợi nhuận. Trong đó, hoạt động khai thác quặng sắt bị thua lỗ nhiều nhất.

5.2.2. Chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty các năm gần đây được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
01	Giá vốn hàng bán	163.662	79,82	152.523	85,86	12.117	87,05
02	Chi phí bán hàng	5.773	2,82	6.258	3,52	2.254	16,19
03	Chi phí QLDN	30.021	14,64	18.067	10,17	6.514	46,80
04	Chi phí tài chính	5.542	2,70	3.015	1,70	1.272	9,14

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Tổng cộng	204.998	99,97	179.863	101,26	22.157	159,19
------------------	----------------	--------------	----------------	---------------	---------------	---------------

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% +. -	6 tháng đầu năm 2015
1.	Tổng giá trị tài sản	190.417	162.048	(14,90)%	163.714
2.	Vốn chủ sở hữu	106.221	90.014	(42,63)%	77.010
3.	Doanh thu thuần	205.050	177.633	(15,26)%	13.919
4.	Lợi nhuận từ HĐKD	136	(2.105)	(1.647,79)%	(8.215)
5.	Lợi nhuận khác	501	(8.905)	(1.877,45)%	(2.303)
6.	Lợi nhuận trước thuế	637	(11.010)	(1.828,41)%	(10.518)
7.	Lợi nhuận sau thuế	541	(11.235)	(2.176,71)%	(10.518)
8.	Giá trị sổ sách trên một cổ phần (đồng/cổ phần)	10.792	9.387	(13,01)%	8.073
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	NA	0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015

Năm 2014, Công ty ghi nhận một khoản lỗ lên tới hơn 11 tỷ. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng lỗ trên bên cạnh yếu tố giảm giá của nhiều sản phẩm mà Công ty đang kinh doanh còn do năm 2014, Công ty phải bù lỗ cho khoản chi phí đóng góp địa phương đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh năm 2014 số tiền 6.612 triệu đồng và xử lý tồn đọng tài chính khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang đối với dự án số tiền 4.693 triệu đồng. Do vậy kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 được xác định lỗ 11.010 triệu đồng. Bước sang năm 2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hoạt động kinh doanh, tập trung vào lĩnh vực sản xuất thiếc thời 99,75% Sn.

• **Vấn đề cần nhấn mạnh tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014**

Tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán AASC đã trình bày vấn đề cần nhấn mạnh theo nội dung như sau:

“Không nhằm phủ định ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Như đã nêu trong Thuyết minh 37 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa hạch toán vào kết quả kinh doanh và xác định nghĩa vụ phải nộp đối với khoản đóng góp cho địa phương từ việc khai thác, tiêu thụ và lưu thông khoáng sản ra ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng do Công ty đang kiến nghị UBND tỉnh xem xét cho miễn khoản đóng góp trên.
- Như đã nêu trong Thuyết minh 10 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, một số hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản dở dang hiện đang tạm dừng và Công ty đang trình ý kiến Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông để có phương án xử lý trong giai đoạn tiếp theo.”

- **Thuyết minh số 37 trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014**

Theo Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân khai thác, tiêu thụ, lưu thông khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20/08/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định về huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Tổng số tiền phải đóng góp của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng do việc khai thác, tiêu thụ và lưu thông khoáng sản khai thác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là: 12.683.272.600 đồng. Trong đó, mức huy động đóng góp đối với khoáng sản khai thác, tiêu thụ, lưu thông trong địa bàn tỉnh số tiền là: 6.612.170.000 đồng được tính theo sản lượng khai thác khoáng sản thực tế, Công ty đã hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm và xác định nghĩa vụ phải nộp cho địa phương. Đối với mức huy động đóng góp do việc khai thác, tiêu thụ và lưu thông khoáng sản ra ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng là: 6.071.102.600 đồng được tính trên sản lượng khoáng sản tiêu thụ và lưu thông ra ngoài địa bàn tỉnh, Công ty đang kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét cho miễn khoản đóng góp nêu trên.

Công ty có phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán các khoản tiền cấp quyền khai thác Khoáng sản và tiền sử dụng số liệu thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản, chi tiết như sau:

Mỏ sắt Nà Lũng:

Theo quyết định số 211/QĐ-BTNMT ngày 30/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổng số tiền Cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp là 7.995.668.000 đồng, Công ty phân bổ theo sản lượng khai thác trong năm trên tổng sản lượng được cấp phép khai thác theo hướng dẫn tại công văn 6168/TKV-KT ngày 20/11/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam số tiền là 267.612.958 đồng, số còn lại phải phân bổ vào chi phí các năm sau là 7.728.055.042 đồng.

Công ty đang tạm tính số tiền sử dụng tài liệu phải nộp là 2.522.487.000 đồng, thời hạn còn lại của mỏ là 13 năm, Công ty đã phân bổ 194.037.462 đồng vào chi phí năm 2014, số còn lại phải phân bổ vào chi phí các năm sau là 2.328.449.538 đồng.

Mỏ thiếc Tĩnh Túc:

Theo Quyết định số 215/QĐ-BTNMT ngày 30/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổng số tiền Cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp là 2.863.650.000 đồng, Công ty phân bổ theo sản lượng khai thác trong năm trên tổng sản lượng được khai thác theo hướng dẫn tại công văn 6168/TKV-KT ngày 20/11/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam số tiền là 2.300.468.160 đồng, số còn lại phải phân bổ vào chi phí các năm sau là 563.181.840 đồng.

Theo Quyết định số 1985/QĐ-BTNMT ngày 17/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổng số tiền sử dụng tài liệu phải nộp là 2.930.454.000 đồng, Công ty đã nộp toàn bộ số tiền vào năm 2014, thời hạn còn lại của mỏ là 6 năm, Công ty đã phân bổ 488.409.000 đồng vào chi phí năm 2014, số còn lại phải phân bổ vào chi phí các năm sau là 2.442.045.000 đồng.

Các khoản phải nộp về cấp quyền nêu trên là chưa tính số phải nộp cho trữ lượng khai thác từ 01/07/2011 đến 31/12/2013 (do tạm chưa thu theo văn bản 723/TTg-KTN ngày 21/5/2014 của Thủ tướng chính phủ)

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

✚ Thuận lợi:

Công ty tham gia cơ chế quản trị chi phí kinh doanh thực hiện giá mua/bán nội bộ đối với các sản phẩm Công ty sản xuất. Theo đó, các sản phẩm Công ty sản xuất ra được Tổng công ty tiêu thụ theo Hợp đồng phối hợp sản xuất kinh doanh hàng năm ký kết giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP với Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Tổng công ty xây dựng giá mua, giá bán nội bộ sát với giá thị trường nhưng vẫn đảm bảo bù đắp đủ chi phí theo các tiêu chuẩn kỹ thuật và các chỉ tiêu công nghệ nên trong điều kiện giá các loại khoáng sản giảm như hiện nay vẫn đảm bảo tình hình tài chính để phục vụ sản xuất kinh doanh. Đối với sản phẩm thiếc thỏi, giá mua/bán nội bộ quyết toán với Công ty bằng giá bán bình quân thực hiện trong năm. Một số sản phẩm như quặng sắt, gang đúc; fero silic đã được Tổng công ty bù đắp, bổ sung chi phí cho Công ty nhằm duy trì ổn định sản xuất.

✚ Khó khăn:

- Giá tiêu thụ các loại khoáng sản giảm sâu từ Quý IV – 2014 đến nay vẫn chưa có dấu hiệu tăng, trong khi giá vật tư, nguyên liệu đầu vào như: Than cốc, điện, sắt thép... đều tăng so với năm 2013; các loại thuế và phí nộp ngân sách địa phương tăng mạnh; tài nguyên mỏ Nà Lũng bị biến động theo chiều giảm cả về hàm lượng và trữ lượng; tài nguyên quặng thiếc đang trong giai đoạn tận thu. Điều kiện công trường khai thác khó khăn, chiều cao nâng tải lớn, ngập nước.
- Tình hình thời tiết diễn biến khó lường, mưa nhiều và kéo dài, mỏ thiếc Tĩnh Túc bị ảnh hưởng của lũ quét làm công trường khai thác bị vùi lấp. Giá thành sản xuất một số sản

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

phẩm như quặng sắt; Ferro silic 45; gang lò điện đều cao hơn giá bán.

- Tình hình an ninh, trật tự, xâm phạm ranh giới mỏ, khai thác quặng trái phép diễn biến hết sức phức tạp gây khó khăn cho công tác quản lý sản phẩm và bảo vệ sản xuất của Công ty.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với bề dày lịch sử 60 năm hình thành và phát triển, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng là một công ty hoạt động lâu năm trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và luyện kim. So với các doanh nghiệp đang đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên sàn, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng có quy mô ở mức trung bình.

So sánh tình hình hoạt động của Công ty năm 2014 với các doanh nghiệp cùng ngành đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán.

Một số doanh nghiệp niêm yết và đăng ký giao dịch được sử dụng để so sánh:

- MSR: Công ty cổ phần Tài nguyên Masan
- ACM: Công ty cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường.
- ALV: Công ty cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới
- AMC: Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu
- BKC: Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Cạn.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	KCB	MSR ¹	ACM	ALV	AMC	BKC
1	Vốn điều lệ	80,000	7,194,473	120,000	30,079	28,500	117,377
2	Tổng tài sản	162,048	25,106,294	224,522	40,266	78,404	206,401
3	Vốn chủ sở hữu	90,014	11,132,945	127,121	31,047	45,792	127,219
4	Doanh thu thuần	177,633	2,825,732	86,118	5,796	136,217	75,276
5	Lợi nhuận sau thuế	(11,235)	35,653	12,080	692	9,516	7,900
6	ROE	-12.48%	0.32%	9.50%	2.23%	20.78%	6.21%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của các công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng Là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP. Vì vậy, so với các doanh nghiệp khác cùng ngành Công ty có ưu thế nhất định do thực hiện qua Hợp đồng phối hợp sản xuất kinh doanh, đầu ra sản phẩm đã có Tổng Công ty bao tiêu nên Công ty chỉ tập trung vào sản xuất.

Trong thời gian tới, với những lợi thế và định hướng đã được Tổng Công ty Khoáng sản TKV

¹ Dữ liệu của Công ty cổ phần Tài nguyên Masan được lấy từ Bản công bố thông tin đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom.

– CTCP xác định, Công ty tiếp tục tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tìm kiếm nguồn tài nguyên quặng thiếc để duy trì và phát triển bền vững Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Công ty phấn đấu duy trì ổn định, tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên Công ty, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của địa phương, giữa vững an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường, giảm thiểu sự ảnh hưởng của khai thác tài nguyên thiên nhiên tới môi trường và cộng đồng tại nơi khai thác.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là quốc gia có nguồn khoáng sản phong phú và đa dạng. Qua tiến hành điều tra cơ bản, các chuyên gia đã đánh giá được một số loại khoáng sản có giá trị công nghiệp và trữ lượng dự báo lớn như: dầu-khí (1,2 tỷ-1,7 tỷ m³); than (240 tỷ tấn), sắt (2 tỷ tấn), đồng (1 triệu tấn kim loại), titan (600 triệu tấn khoáng vật nặng), bôxít (10 tỷ tấn), chì kẽm, thiếc, apatít (2 tỷ tấn), đất hiếm (11 triệu tấn) các khoáng sản làm vật liệu xây dựng (52 tỷ m³) và một số loại khoáng sản khác. Trong những năm qua, ngành công nghiệp khai khoáng đã đóng vai trò quan trọng và tích cực trong sự nghiệp phát triển công nghiệp Việt Nam và nền kinh tế đất nước.

Trong thời gian gần đây, giá các kim loại trên thị trường quốc tế liên tục lập đáy mới. Nhu cầu tiêu thụ quặng thô và chế biến sơ của các nước trên thế giới suy giảm đặc biệt là Trung Quốc do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế. Bên cạnh đó, mức thuế khai thác tài nguyên được điều chỉnh tăng từ năm 2014 cũng làm cho các doanh nghiệp khai thác khoáng sản lâm vào tình trạng khó khăn hơn.

Trong giai đoạn từ 2010 – 2014, tài nguyên khoáng sản của các mỏ bị thu hẹp và cạn kiệt, các sản phẩm gang đúc, Ferroomangan, Ferroosilíc, gang lò điện giá thành sản xuất cao do tác động của cơ chế thị trường, nền kinh tế trong nước và thế giới nhiều biến động, thuế phí địa phương tăng mạnh, đặc biệt là giá bán các loại khoáng sản giảm sâu, thị trường tiêu thụ các sản phẩm của Công ty bị thu hẹp.

Theo Chiến lược phát triển khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011, khoáng sản Việt Nam là tài nguyên không tái tạo, có trữ lượng hạn chế, vì vậy, phải được điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ tốt môi trường sinh thái, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng tại các địa bàn có khoáng sản...

Với xu thế thị trường thế giới hiện nay, và căn cứ theo chủ trương phát triển của Đảng, Nhà nước, qua một số thông tin cung cấp trên cho thấy hiện tại đối với Công ty chỉ sản xuất thiếc thỏi 99,75%Sn là có lợi nhuận. Trên cơ sở đó về triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới cố gắng xin cấp phép mỏ thiếc Nậm Kép (đây là mỏ mới gần khu vực Khai trường của Công ty hiện đang khai thác tận thu). Việc xin cấp phép được mỏ mới là tiền đề, định

hướng phát triển của Công ty trong thời gian 5 năm tới và các năm tiếp theo.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Yếu tố	31/12/2014	Cơ cấu
Số lượng cán bộ công nhân viên (người)	667	100%
Phân theo trình độ chuyên môn		
+ Thạc sỹ	-	-
+ Cử nhân (đại học, cao đẳng):	109	16%
+ Trung học chuyên nghiệp:	472	71%
+ Phổ thông trung học	86	13%
Phân theo giới tính		
+ Nam	426	64%
+ Nữ	241	36%

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chính sách nhân sự chung

Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

Chính sách tiền lương:

Căn cứ các Nghị định, Thông tư hướng dẫn của Nhà nước và Hợp đồng phối hợp kinh doanh hàng năm giữa Tổng công ty và Công đã được ký kết. Công ty xây dựng đơn giá tiền lương sản phẩm, các công đoạn sản xuất và hàng tháng, quý nghiệm thu khối lượng sản phẩm hoàn thành để chi trả tiền lương cho các công đoạn sản xuất.

Chính sách thưởng:

Các hình thức khen thưởng, chính sách khen thưởng đang áp dụng: Thưởng năng suất cao, thưởng hoàn thành tháng, quý, năm.

Chương trình đào tạo:

Công ty có chính sách đào tạo cán bộ theo đối tượng quy hoạch còn đối với nhân viên thì Công ty tạo mọi điều kiện cho người lao động có nguyện vọng tự đi học để nâng cao trình độ. Hàng năm Công ty cử các nhân viên đi tập huấn nâng cao nghiệp vụ và tổ chức bồi dưỡng kèm cấp nâng bậc cho công nhân kỹ thuật.

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Bên cạnh, việc bảo đảm các chính sách theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty còn tổ chức cho người lao động đi khám sức khỏe định kỳ. Công ty thực hiện trả đủ công, thưởng năng suất... giúp tạo ra động lực làm việc và tăng thu nhập cho

công nhân.

Công ty thực hiện chi trả đầy đủ tiền công, tiền lương, tiền thưởng...theo quy chế hiện hành nhằm tạo ra động lực làm việc và tăng thu nhập cho người lao động.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ sở hữu vốn góp;
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
- Do hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2013, năm 2014 bị lỗ nên Công ty không tiến hành chi trả cổ tức cho các năm tài chính này.

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn	Không trích khấu hao

10.1.2. Mức lương bình quân

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Thu nhập bình quân/người/tháng	4.600.000	5.000.000

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Các khoản phải nộp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

ngân sách hàng năm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
I	Thuế	31.292	31.180	9.410
1	Thuế GTGT	13.901	10.640	-
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	76	104	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	63	225	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	16	66	8
5	Thuế tài nguyên	16.108	17.697	7.633
6	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	629	2.444	1.766
7	Thuế môn bài	4	4	4
II	Các khoản khác nộp ngân sách	13.659	19.287	6.377
1	Đóng góp địa phương	2.904	6.612	-
2	Phí sử dụng tài liệu địa chất		2.930	
3	Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	2.523
4	Phí bảo vệ môi trường	10.755	9.117	3.357
5	Phí dịch vụ môi trường rừng		628	498
@	TỔNG CỘNG	44.951	50.467	15.787

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

10.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập Quỹ dự phòng tài chính theo quy định của Điều lệ Công ty và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ cuối năm 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
1	Quỹ đầu tư phát triển	5.443	5.443	5.555
2	Quỹ dự phòng tài chính	112	112	-
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.581	8.447	7.422
4	Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	780	780	780

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
	TỔNG CỘNG	16.916	14.782	13.757

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015

10.1.6. Tổng dư nợ vay

Tổng dư nợ vay của Công ty:

- Nợ vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Vay ngắn hạn tổ chức & cá nhân	10.000.000.000	6.756.740.370 ⁽¹⁾	6.237.043.001
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.008.400.000	2.695.108.160	967.708.160
Cộng	13.008.400.000	9.451.848.530	7.204.751.161

- Nợ vay trung dài hạn tại ⁽²⁾

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Vay dài hạn	18.599.922.528	14.250.529.500	13.276.458.000
Nợ thuê tài chính	2.709.979.360	1.465.171.200	1.465.171.200
Cộng	21.309.901.888	15.715.700.700	14.741.629.200

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015

(1) Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8314/LAV201401085/HĐTD ngày 21/07/2014 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: mỗi khoản giải ngân cụ thể không quá 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản của bên vay, bao gồm: Hệ thống nghiền quặng sắt siêu mịn, máy khoan thủy lực bánh xích ECM 660IV, máy khoan thủy lực bánh xích KQG 150Y, máy nén khí, xe ô tô 9 chỗ 11K – 4386 và nhà trụ sở công ty;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là 6.765.740.370 đồng.

(2) Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

(1) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cao Bằng bao gồm 2 hợp đồng tín dụng:

(a) Hợp đồng tín dụng số 3141/2012/HĐ ngày 15/10/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 7 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng xưởng tuyển quặng Deluvi mỏ sắt Nà Lũng;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản đầu tiên và được ghi trên giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp Nhà máy Thủy điện Tà Sa theo HĐTC ngày 01/2012/HĐ ngày 4/10/2012, tổng giá trị: 7.705.000.000 đồng, thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản đảm bảo khác theo các hợp đồng thế chấp khác được ký sau này;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2014 là 4.200.000.000 đồng trong đó số nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 1.400.000.000 đồng;

(b) Hợp đồng tín dụng số 2431/2010/HĐTD ngày 06/10/2010 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư dự án: đầu tư, cải tạo, nâng cấp các tổ máy phát điện thuộc Nhà máy Thủy điện Tà Sa – Nà Ngàn;
- + Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên và được ghi trên giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp các tài sản đang thế chấp tại ngân hàng và tài sản hình thành từ vốn vay của dự án này.
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2014 là 2.340.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 720.000.000 đồng;

(2) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Cao Bằng bao gồm 3 hợp đồng tín dụng:

(a) Hợp đồng tín dụng số 8314-LAV-201106631/HĐTD ngày 26/09/2011 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 5.200.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Mua 4 xe ô tô tự đổ Tata Dawoo 6x4, model: 4DEF mới 100% sản xuất tại Hàn Quốc năm 2010, nhãn hiệu Hyundai phục vụ vận tải quặng;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản đầu tiên và được ghi trên giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2014 là 2.277.050.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 1.102.884.000 đồng;

(b) Hợp đồng tín dụng số 8300-LAV-201000623/HĐTD ngày 12/05/2010 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 2.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Mua máy xúc đào thủy lực bánh xích Kobeko, Model: SK250-8 phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản đầu tiên và được ghi trên giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2014 là 262.129.500 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 262.129.500 đồng;

(c) Hợp đồng tín dụng số 8314-LAV-201301877/HĐTD ngày 11/11/2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 4.300.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư hạng mục công trình: Tuyển thô số 3 – Dự án khai thác lộ thiên mỏ thiếc Tĩnh Túc;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản đầu tiên và được ghi trên giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2014 là 3.242.500.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 1.000.000.000 đồng;

(3) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cao Bằng theo hợp đồng tín dụng số 041/2014/HĐTĐA/NHCT186 ngày 15/12/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 2.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư duy trì sản xuất mỏ thiếc Tĩnh Túc hạng mục cải tạo hệ thống tuyển thô Quặng thiếc số 1 và 1A;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản đầu tiên và được ghi trên giấy nhận nợ;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Các tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp 028.2014/HĐTC-KHDN ngày 05/12/2014 và hợp đồng thế chấp số 030.2014/HĐTC-KHDN ngày 09/12/2014 và các hợp đồng đảm bảo khác xác lập sau ngày ký hợp đồng;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2014 là 1.928.850.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 800.000.000 đồng;

Tổng nợ gốc vay dài hạn phải trả trong năm 2015 (= 1 + 2 + 3): 5.285.013.500 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ dài hạn:

Khoản nợ Thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm các hợp đồng sau:

(a) Hợp đồng thuê số 108/2011/TSC-CTTC ngày 30/06/2011 với điều khoản chi tiết như sau:

- + Tài sản thuê: Máy xúc Komatsu PC300-8;
- + Tổng giá trị hợp đồng thuê là 4.965.840.000 đồng;
- + Thời hạn thanh toán: 60 tháng;
- + Số dư nợ gốc của hợp đồng thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2014 là 1.249.671.200 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 788.400.000 đồng. (4)

(b) Hợp đồng thuê số 24/2012/TSC-CTTC ngày 09/05/2012 với điều khoản chi tiết như sau:

- + Tài sản thuê: 4 xe ô tô tải tự đổ trọng tải 15 tấn hiệu Deawoo;
- + Tổng giá trị hợp đồng thuê là 6.407.000.000 đồng;
- + Thời hạn thanh toán: 36 tháng;
- + Số dư nợ gốc của hợp đồng thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2014 là 1.460.308.160 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 1.460.308.160 đồng. (5)

(c) Hợp đồng thuê số 06/TSC-CTTC ngày 19/02/2014 với điều khoản chi tiết như sau:

- + Tài sản thuê: Máy ủi bánh xích SD16 hiệu SHANTUI;
- + Tổng giá trị hợp đồng thuê là 2.318.085.000 đồng;
- + Thời hạn thanh toán: 48 tháng;
- + Số dư nợ gốc của hợp đồng thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2014 là 1.450.300.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 446.400.000 đồng. (6)

Tổng nợ gốc thuê tài chính phải trả trong năm 2015: (= 4 + 5 + 6): 2.695.108.160 đồng.

10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
-----	-----------	------------	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	23.123	36.378	6.936
1	Phải thu khách hàng	21.330	34.363	5.237
2	Trả trước cho người bán	733	1.275	958
5	Các khoản phải thu khác	1.214	1.074	1.075
6	Dự phòng phải thu khó đòi	(154)	(334)	(334)
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	4.523
1	Phải thu dài hạn khác	-	-	4.523

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
I	Nợ ngắn hạn	62.873	56.306	71.950
1	Vay và nợ ngắn hạn	13.008	9.452	7.205
2	Phải trả người bán	5.630	6.614	8.009
3	Người mua trả tiền trước	32	46	24.857
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	17.247	20.371	16.760
5	Phải trả người lao động	14.784	7.239	2.807
6	Chi phí phải trả	274	2.926	1.728
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.316	1.212	3.162
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.581	8.447	7.422
II	Nợ dài hạn	21.323	15.729	15.729
1	Phải trả dài hạn khác	13	13	13
2	Vay và nợ dài hạn	21.310	15.716	14.742

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015

- Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
II	Đầu tư tài chính dài hạn	105	105	105
	Đầu tư dài hạn khác			
	+ Đầu tư vào Công ty CP TMDV Ô tô Thái Tuấn (trước đây là Công ty CP Liên hiệp Ô tô	105	105	105

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
	Thadico); Số cổ phiếu: 10.000 cổ phiếu.			

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,14	1,19
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,69	0,70
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	44,22	44,45
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	97,52	95,92
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	5,08	5,45
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,00	1,01
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,26	-
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,63	-
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,27	-
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,07	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014

11. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Giá trị tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
I.	TSCĐ hữu hình	252.344	71.661	28,40%
1.	Nhà cửa vật kiến trúc	85.319	32.948	38,62%
2.	Máy móc thiết bị	96.496	33.762	34,99%
4.	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	69.661	4.945	7,10%
5.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	823	6	0,73%
	Tài sản cố định khác	45	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
II.	TSCĐ thuê tài chính	13.746	7.937	57,74%
1	Máy móc thiết bị	6.563	3.521	53,65%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.183	4.416	61,48%
III.	TSCĐ vô hình	518	475	91,76%
@	Tổng cộng	266.608	80.073	30,03%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Danh mục tài sản	31/12/2014	01/01/2014
1.	Các công trình xường tuyến mỏ Tĩnh Túc	-	5.251
2.	Công trình Nhà máy Thủy điện Bản Ngà (*)	-	4.693
3.	Công trình cải tạo Mỏ Nà Lũng	373	373
4.	Dự án Nhà máy hợp kim sắt 3.600 KVA (thân quặng 3B)	3.463	3.463
5.	Nâng cấp tổ máy phát điện Tà Sa 2 (**)	592	592
6.	Công trình khu chung cư Nà Cáp	120	120
7.	Hệ thống tuyến 1 và 1A Tĩnh Túc	3.195	-
@	Tổng cộng	7.743	14.492

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014

(*) Theo Quyết định số 2195/QĐ-UBND tỉnh Cao Bằng ngày 09/12/2013 về việc chấm dứt toàn bộ các hoạt động đầu tư và thu hồi giấy phép đầu tư đối với Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Ngà tại xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng và theo Quyết định số 457/TB-VIMICO của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Công ty ghi nhận giảm giá trị xây dựng cơ bản dở dang công trình vào kết quả kinh doanh năm 2014.

(**) Đây là các công trình, dự án đang tạm dừng do không khả thi hoặc chưa có nguồn vốn để tiếp tục đầu tư triển khai. Hiện nay, các dự án đều đang tạm dừng và Công ty đang trình xin ý kiến Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông để có phương án xử lý tiếp theo.

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tại 31/12/2014	27.850	12.936	14.914
1.	Công trình Đập 4	7.416	2.946	4.470

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
2.	Công trình Đập 5	20.434	9.990	10.444
II	Tại 31/12/2013	27.850	7.964	19.886
1.	Công trình Đập 4	7.416	1.456	5.960
2.	Công trình Đập 5	20.434	6.508	13.926

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Danh mục đất đai Công ty đang quản lý

TT	Đơn vị sử dụng	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức
I	Khu vực TP Cao Bằng		308.194	
1	Văn phòng công ty	Phố Kim Đồng - P.Hợp Giang	644	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 035449 do UBND tỉnh Cao Bằng cấp ngày 24/10/2008 Trả tiền hàng năm
2	Văn phòng Xí nghiệp Chè Đẳng	Phố Kim Đồng - P.Hợp Giang	330	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
3	Khu nhà khách Tân An	Tân An - Phường Hòa Chung	6.252	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
4	Khu đất Nà Cáp	Km 3 - Phường Đề Thám	800	Đang hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Trả tiền 1 lần
5	Khu xưởng Luyện Gang	Km 5 - Phường Đề Thám	28.991	
	- Đất thuê của Nhà	Km 5 - Phường Đề Thám	27.738	Hợp đồng thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

	nước			đất trả tiền hàng năm
	- Đất mua của dân	Km 5 - Phường Đề Thám	1.253	Hợp đồng chuyển nhượng đất; Đang hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
6	Khu tập thể Nà Đổng	Phường Duyệt Trung	19.960	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
7	Mỏ sắt Nà Lũng	Phường Duyệt Trung	543.447	
	- Thân quặng I	Phường Duyệt Trung	383.499	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
	- Thân quặng 3A	Phường Duyệt Trung	30.948	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
	- Thân quặng 3B	Phường Duyệt Trung	23.000	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
	- Khu xử lý môi trường và bãi thải	Phường Duyệt Trung	106.000	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
II	Khu vực huyện Nguyên Bình		724.492	
1	Văn phòng đại diện	Thị trấn Tinh Túc	1.180	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
2	Nhà dịch vụ Phúc Lợi	Thị trấn Tinh Túc	214	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
3	Văn phòng Xí nghiệp	Thị trấn Tinh Túc	3.383	Hợp đồng thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

	Điện Cơ			đất trả tiền hàng năm
4	Xưởng luyện Fero số 1+2	Thị trấn Tinh Túc	23.087	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
5	Khai trường mỏ Tinh Túc	Thị trấn Tinh Túc	665.479	
	- Đất thuê của Nhà nước	Thị trấn Tinh Túc	665.000	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
	- Đất mua của dân	Thị trấn Tinh Túc	479	Đang hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Trả tiền hàng năm
6	Nhà máy thủy điện Tà Sa	Xã Bắc Hợp, Nguyên Bình	31.149	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
III	Khu vực huyện Hòa An		24.833	
1	Nhà máy thủy điện Nà Ngàn	Xã Trương Lương, Hòa An	24.833	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
IV	Khu vực huyện Bảo Lạc		94.181	
1	Nhà máy thủy điện Bản Pắt	Xã Đình Phùng, Bảo Lạc	49.794	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
2	Nhà máy thủy điện Na Han	Xã Huy Giáp, Bảo Lạc	44.387	Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm
V	Khu vực TP Thái		580	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

	Nguyên			
	Trạm tiếp liệu Quan Triều	P. Quan Triều, Thái Nguyên	580	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 279005 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/3/1997 Trả tiền hàng năm
VI	Tổng cộng:		1.444.510	

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

12.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2015 và năm 2016

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty các năm 2015 – 2016, cụ thể như sau:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch	% +/- so với năm 2014	Kế hoạch	% +/- so với năm 2015
Vốn điều lệ	80.000	-	80.000	-
Doanh thu thuần	120.000	(32,44)	95.000	(20,83)
Lợi nhuận sau thuế	0	-	181	-
Tỷ lệ LNST/doanh thu thuần	-	-	-	-
Tỷ lệ LNST/VĐL bình quân	-	-	-	-
Cổ tức	0%	-	0%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên năm 2015 của CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

12.2 Cơ sở thực hiện kế hoạch

- Công ty đặt ra các chỉ tiêu kế hoạch dựa trên nguồn tài nguyên còn lại của mỏ, thông qua các tài liệu địa chất, các kết quả khoan thăm dò trữ lượng tại nguyên, căn cứ vào năng lực thiết bị của Công ty... Các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm Công ty đều xây dựng

và bảo vệ được thông qua bởi Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP

- Cơ sở để hoàn thành kế hoạch: Sản phẩm sản xuất ra của Công ty đã được Tổng Công ty tiêu thụ thông qua Hợp đồng phối hợp sản xuất kinh doanh, năng lực thiết bị, máy móc, nguồn nhân lực của Công ty đảm bảo hoạt động đủ điều kiện hoàn thành kế hoạch.

13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện được của tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Công ty phấn đấu, tổng sản lượng sản phẩm khai thác cho cả giai đoạn 05 năm tới sẽ đạt:

- Thiếc thô: 1.130 tấn;
- Quặng sắt $\geq 60\%Fe$: 52.000 tấn;
- Ferro các loại: 3.200 tấn;
- Vàng: 20 Kg;
- Điện năng tự sản xuất: 50 triệu KWh;
- Nước lọc Pác Bó: 3.500.000 lít;
- Chè đóng hộp các loại 115.000 hộp.

Các biện pháp để thực hiện mục tiêu.

- Tập trung mọi nguồn lực đảm bảo duy trì ổn định sản xuất, ổn định đời sống, công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty. Thực hiện tốt công tác quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, lãnh đạo các tổ chức chính trị xã hội thực hiện tốt các Nghị quyết của Đảng khóa XI, XII; Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XVII, XVIII.
- Tăng cường công tác phát triển tài nguyên, tiếp tục thực hiện phương châm đa dạng hóa sản phẩm, chuẩn bị tốt các nguồn lực cho quá trình sản xuất về nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, công nghệ, lao động... Tổ chức tốt SXKD theo phương án đề ra, tăng cường sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động và năng lực quản lý điều hành. Duy trì việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, sản xuất đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường, an ninh trật tự xã hội, đầu tư phát triển bền vững Công ty, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp.
- Tập trung vào hai lĩnh vực trọng điểm:
 - o Sử dụng tiết kiệm tài nguyên có hiệu quả và phát triển tài nguyên bền vững.
 - o Tăng cường nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào hai lĩnh vực khai thác tận thu tài nguyên và phát huy nguồn điện năng tự sản xuất, nghiên cứu sản phẩm luyện kim bằng công nghệ lò điện có khả năng tiêu thụ tốt trên trong nội bộ Tập đoàn và trong khu vực.

Một số giải pháp cho từng lĩnh vực kinh doanh cụ thể

a. Khai thác khoáng sản:

- ❖ Khai thác quặng thiếc khu vực Tỉnh Túc:

- Mỏ thiếc Tĩnh Túc: Tiếp tục tổ chức khai thác phần trữ lượng còn lại của mỏ thiếc Tĩnh Túc, chuyển dần sang khai thác lại bãi thải khu Tây và các khu vực rìa mỏ. Sau khi kết thúc khai thác cần nghiên cứu đánh giá nếu điều kiện còn có thể tiếp tục khai thác được thì tiếp tục xin gia hạn để tận thu tài nguyên, nếu không còn khả năng khai thác nữa thì làm các thủ tục quyết toán tài nguyên, cải tạo phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ theo quy định.
- Khu vực Bãi thải Thập Lục Phần: Khẩn trương xin cấp Giấy phép khai thác tận thu và đầu tư XD CB trong năm 2015 để vào hoạt động có sản lượng ổn định từ năm 2016 để bù sản lượng cho mỏ thiếc Tĩnh Túc.
- Mỏ thiếc Nặm Kép: Tiếp tục hoàn thiện thủ tục cấp phép thăm dò bổ sung, tổ chức thăm dò và xin giấy phép khai thác, hoàn thiện công tác XD CB trong năm 2018 và đi vào sản xuất có sản lượng ổn định từ năm 2019.

❖ Khai thác quặng sắt Nà Lũng:

- Trong năm 2015 tổ chức thăm dò đánh giá lại trữ lượng mỏ, tính toán hiệu quả đầu tư, nếu có hiệu quả thì tổ chức lập dự án chuyển đổi giấy phép khai thác và tiếp tục sản xuất, nếu không có hiệu quả thì làm các thủ tục xin tạm dừng khai thác để bảo vệ mỏ hoặc quyết toán tài nguyên, cải tạo phục hồi môi trường đóng cửa mỏ theo quy định.
- Dự kiến sản lượng khai thác quặng sắt từ nay đến 2020: Năm 2015 tổ chức thăm dò đánh giá lại, nếu giá quặng sắt ổn định trở lại và sản xuất có hiệu quả thì từ năm 2016 mỗi năm sản xuất 12.000 tấn tinh quặng sắt $\geq 60\%Fe$.

b. Chế biến khoáng sản:

- Trên cơ sở lợi thế về nguồn điện năng tự sản xuất, tập trung các giải pháp nâng cao hiệu quả và cân đối sản lượng các sản phẩm hiện có, nghiên cứu công nghệ chế biến khoáng sản trên cơ sở về các nguồn nguyên liệu sẵn có trong khu vực, phương thức chế biến sâu tạo ra các sản phẩm mới có nhu cầu và tiêu thụ tốt trên thị trường khu vực và thị trường chung. Dự kiến sản lượng Ferroo các loại từ năm 2016 là: 800 tấn/năm.

c. Sản xuất thủy điện:

- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện năng, từng bước đầu tư cải tạo các nhà máy thủy điện và hệ thống truyền tải điện năng, nâng cao năng lực phát dẫn và hiệu suất tiêu thụ điện năng. Phấn đấu sản lượng điện năng sản xuất và tiêu thụ từ 2015 đến 2020 mỗi năm đạt 10 triệu KWh.

d. Đối với các sản phẩm khác:

- Thực hiện tốt công tác quản trị chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất các sản phẩm khác như: Nước lọc Pác Bó, chèn đóng hộp các loại...

Một số giải pháp về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị về sản xuất:

- Mục tiêu lấy hiệu quả làm hàng đầu, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra. Tạo lập cơ cấu tổ chức của Công ty thích ứng với điều kiện SXKD, nhanh nhạy với sự thay đổi của

môi trường, bộ máy quản lý điều hành gọn nhẹ, năng động, linh hoạt giữa các bộ phận. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chế độ trách nhiệm tránh sự chông chéo và nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi người, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong kinh doanh thì sẽ góp phần nâng cao năng suất lao động.

- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành sản xuất, tiếp tục nghiên cứu công tác tổ chức sản xuất, điều hành hợp lý. Cùng với việc thay đổi quy mô hình sản xuất, sẽ củng cố và sắp xếp đầu mối và nhân lực cho phù hợp với yêu cầu về trình độ quản lý, chất lượng công việc, đảm bảo tỷ lệ giữa các khối sản xuất chính, phụ trợ, phục vụ và gián tiếp. Tiếp tục hoàn thiện trả lương cho các ngành nghề đảm bảo giãn cách tiền lương theo quy định của Tập đoàn để tiền lương thực sự là đòn bẩy trong việc tăng năng suất lao động, tạo ra động lực phát triển nhanh và bền vững.
- Tăng cường phát triển và quản lý tài nguyên, tổ chức khai thác triệt để, tiết kiệm, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo trong khai thác. Nâng cao hệ số sử dụng thiết bị, bố trí thiết bị hợp lý và quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu công nghệ, định mức kinh tế kỹ thuật, thực hiện xúc đầy đồ sạch.
- Tiếp tục duy trì hoạt động ổn định các hệ thống công nghệ tuyển và quản lý giám sát các chỉ tiêu kỹ thuật như thực thu, chất lượng sản phẩm tinh quặng tuyển thô, tuyển tinh... Quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, nguyên liệu đầu vào, đầu ra tránh lãng phí thất thoát tài nguyên.
- Trên cơ sở lợi thế về nguồn điện năng tự sản xuất, tập trung các giải pháp nâng cao hiệu quả và cân đối sản lượng các sản phẩm hiện có (Ferro silic; Gang đúc lò điện), nghiên cứu công nghệ chế biến khoáng sản trên cơ sở về các nguồn nguyên liệu sẵn có trong khu vực, phương thức chế biến sâu tạo ra các sản phẩm mới có nhu cầu và tiêu thụ tốt trên thị trường khu vực, thị trường trong và ngoài nước.
- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị, nâng cao tay nghề, chất lượng thợ vận hành, sửa chữa tại các đơn vị. Đẩy mạnh công tác tự thực hiện gia công, chế tạo, tận dụng vật tư để giảm giá thành sản xuất. Làm tốt công tác chăm sóc bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn thiết bị. Nâng cao hệ số sử dụng thiết bị bốc xúc, khai thác vận tải tại các cơ sở sản xuất.
- Thường xuyên lấy mẫu, kiểm tra chất lượng sản phẩm theo từng ca sản xuất, kiểm soát tốt chất lượng nguyên liệu đầu vào để tạo sự ổn định cho công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm. Thường xuyên phân tích xác định nguyên nhân tiềm ẩn gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm để có biện pháp phòng ngừa.
- Bám sát kế hoạch giá thành sản xuất Tổng công ty giao, rà soát lại các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật, thực hiện khoán năng suất, đơn giá, tiền lương đến từng Phân xưởng, Xí nghiệp, khoán năng suất, tiền lương đến từng ca, người lao động và tăng cường giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện. Trên cơ sở giá thành giao khoán đơn vị

kiểm soát theo tuần, tháng Công ty tổ chức nghiệm thu quyết toán.

- Thường xuyên phân tích tình hình dư nợ, tồn kho, đảm bảo số dư nợ vay Ngân hàng. Tiếp tục tìm kiếm các nguồn vốn vay với lãi xuất hợp lý để phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Phân loại để thanh lý những tài sản kém phẩm chất, không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn, giảm tối đa vật tư tồn kho. Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp với các địa phương, Bộ ban ngành liên quan trong việc đề xuất các chính sách thuế, phí phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty.
- Triển khai thực hiện công tác mua, sắm và cung ứng vật tư đảm bảo chất lượng và kịp thời cho các đơn vị sản xuất, sử dụng và luân chuyển hàng vật tư tồn kho hợp lý. Thanh lý các loại vật tư thực sự không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn.
- Nâng cao nhận thức về công tác an toàn vệ sinh lao động – bảo vệ môi trường (ATVSLĐ – BVMT) trong toàn Công ty, thực sự đặt công tác ATVSLĐ – BVMT lên hàng đầu. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn để người lao động nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc chủ động phát hiện những nguy cơ có khả năng gây ra tai nạn lao động có các biện pháp phòng tránh, xử lý kịp thời. Phối hợp với Công đoàn bồi dưỡng nâng cao hiểu biết, trách nhiệm của An toàn vệ sinh viên (ATVSV). Tạo mọi điều kiện cần thiết để mạng lưới ATVSV hoạt động thực chất và có hiệu quả. Xây dựng và triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung về: Văn hóa doanh nghiệp, văn hóa an toàn lao động, văn hóa an toàn giao thông, tại nơi làm việc phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị.
- Tích cực bám sát, làm việc với cấp có thẩm quyền để xin cấp phép thăm dò mỏ thiếc Nậm Kép, khu bãi thải Thập Lục Phần.
- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật trong toàn bộ các khâu: Khai thác – Tuyển khoáng – Luyện kim – Cơ điện... nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, coi đây là giải pháp then chốt để nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục phát động và tổ chức thực hiện sâu rộng hơn nữa phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trong toàn Công ty góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất, quản trị nội bộ...
- Tiếp tục rà soát cơ cấu lao động, triển khai kế hoạch đào tạo, luân chuyển, sắp xếp, bố trí nhân lực giữa các phòng và các đơn vị sản xuất hợp lý, chú trọng nâng cao và bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu công tác quản lý. Đối với cán bộ quản lý cần phải mạnh dạn xử lý cán bộ kém năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm...Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, ăn ở, đi lại cho CBCNV toàn Công ty đảm bảo an sinh xã hội bằng các hình thức, hoạt động thiết thực nhất.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng quản trị			
1	Ông Phạm Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Ông Đàm Trung Kỳ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Điều hành
3	Ông Nguyễn Minh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Điều hành
4	Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	Không điều hành
5	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	Không điều hành

Hội đồng quản trị

1.1.1. Ông Phạm Minh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Phạm Minh Tuấn**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 04/12/1964
Nơi sinh: Cẩm Phả, Quảng Ninh
CMND: 013434936 cấp ngày 25/6/2011
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Tổ 7, ngách 29/39 phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
Số ĐT liên lạc: 026. 350 5505
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy mỏ; Cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
10/1988- 7/1998	Kỹ sư PX Cơ khí 1, Công ty cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
8/1998 – 3/2002	Phó quản đốc PX Cơ khí, Công ty cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
3/2002 – 3/2003	Phó phòng KCS, Công ty cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
4/2003 – 6/2004	Phó phòng Thị trường, Công ty cơ khí Trung tâm Cẩm Phả

6/2004 – 4/2005	Trưởng phòng Thị trường, Công ty Chế tạo máy Than Việt Nam
4/2005 – 5/2008	Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty Chế tạo máy Than Việt Nam
6/2008 – 4/2011	Phó phòng Cơ điện, Tổng Công ty Khoáng sản - TKV
5/2011 – 10/2014	Trưởng phòng Cơ điện, Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP
10/2014 - nay	Phó Tổng GD Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP
01/2014 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty:	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
Số CP nắm giữ:	4.150.869 cổ phần, chiếm 51,89 % Vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu:	4.150.869 cổ phần của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP, chiếm 51,89 % Vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	Không
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

1.1.2. Ông Đàm Trung Kỳ – Thành viên Hội đồng quản trị điều hành

Họ và tên:	ĐÀM TRUNG KỲ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/11/1956
Nơi sinh:	Hoàng Tung – Hòa An – Cao Bằng
CMND:	080166217 cấp ngày 15/10/2003 tại Cao Bằng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	21 Phố Hoàng Như – Phường Hợp Giang – thành phố Cao Bằng
Số ĐT liên lạc:	026. 350 5505
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Khai thác mỏ lộ thiên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
10/1989 – 02/1990	Nhân viên Kỹ thuật phân xưởng khai thác I Mỏ Thiếc Cao Bằng.
03/1990 – 04/1992	Phó quản đốc khai thác 1 Mỏ Thiếc Cao Bằng.
05/1992 – 08/1992	Phó phòng Kỹ thuật Mỏ Thiếc Cao Bằng.
09/1992 – 07/1993	Quản đốc phân xưởng khai thác Mỏ Thiếc Cao Bằng.
08/1993 – 04/1994	Trưởng phòng Kế hoạch điều độ Mỏ Thiếc Cao Bằng.
05/1994 – 08/1994	Trưởng ban quản lý khai thác thủ công Mỏ Thiếc Cao Bằng.
09/1994 – 04/1997	Giám đốc xí nghiệp Thiếc, Mỏ Thiếc Cao Bằng.
05/1997 – 08/1997	Phó Giám đốc xí nghiệp Liên doanh khai thác chế biến quặng sắt Nà Lũng - Cao Bằng.
09/1997 – 07/2003	Giám đốc xí nghiệp sắt Nà Lũng - Công ty sắt Cao Bằng.
08/2003 – 06/2006	Phó Giám đốc Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
07/2006 – 11/2007	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
12/2007 – 11/2008	Phó Giám đốc Công ty, kiêm giữ chức Giám đốc xí nghiệp sắt Nà Lũng, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
12/2008 – 02/2011	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
03/2011 đến nay	Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
11/2008 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ: 7.805 cổ phần. chiếm 0,10% Vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

1.1.3. Ông Nguyễn Minh Tâm – Thành viên Hội đồng quản trị điều hành

Họ và tên: **NGUYỄN MINH TÂM**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 17/5/1966
Nơi sinh: Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình
CMND: 085020556 cấp ngày 16/10/2009 tại Cao Bằng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 049, tổ 25, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Số ĐT liên lạc: 026. 350 5505
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
9/1990 – 3/1993	Cán bộ Kỹ thuật Mỏ Thiếc Cao Bằng
4/1993 – 6/1996	Cán bộ Kỹ thuật Công ty Kim loại Màu Cao Bằng
7/1996 – 9/1998	Phó phòng Kỹ thuật Công nghệ và Môi trường Công ty Kim loại Màu Cao Bằng
10/1998 – 7/2003	Phó giám đốc Xí nghiệp Thiếc Công ty Khoáng sản 1 Cao Bằng
8/2003 – 4/2007	Phó giám đốc Xí nghiệp Thiếc – Fero Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
5/2007 – 10/2010	Trưởng phòng Mỏ - Địa chất Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
11/2010 đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
05/2011 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ: 2.857 cổ phần. chiếm 0,04% Vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch Không

1.1.4. Bà Đỗ Thị Mai Hương – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Họ và tên: **ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 08/10/1967

Nơi sinh: Canh Tân, Hưng Hà, Thái Bình

CMND: 080428181 cấp ngày 15/5/2003 tại Cao Bằng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố số 2, phường Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Số ĐT liên lạc: 026. 350 5505

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tuyển khoáng

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
8/1991 – 3/1993	Nhân viên phòng KCS Công ty Kim loại màu Cao Bằng
4/1993 – 9/1994	Nhân viên phòng KCS Công ty Kim loại màu Cao Bằng
Từ tháng 10/1994 – 9/1995	Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty Kim loại màu Cao Bằng
Từ tháng 10/1995 – 8/1999	Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty Kim loại màu Cao Bằng
Từ tháng 9/1999 – tháng 8/2003	Nhân viên phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty Khoáng sản I
Từ tháng 9/2003 đến 6/2006	Nhân viên phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty sắt Cao Bằng
Từ tháng 7/2006 – tháng 3/2007	Nhân viên phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
Từ tháng 4/2007 – tháng 10/2007	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
Từ tháng 11/2007 đến tháng 10/2008	Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
11/2008 – 4/2011	Phó phòng Kế hoạch Giá thành Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP
Từ tháng 5/2011 đến nay	Trưởng phòng Kế hoạch Giá thành – Tổng công ty Khoáng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

	sản TKV – CTCP
05/2013 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: + Trưởng phòng Kế hoạch Giá thành - Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
Số CP nắm giữ: 9.948 cổ phần.chiếm 0,12% Vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: Không có
+ Cá nhân sở hữu: 9.948 cổ phần.chiếm 0,12% Vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

1.1.5. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 22/9/1980
Nơi sinh: Trục Ninh – Nam Định
CMND: 019180000111 cấp ngày: 16/4/2015 tại Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 502 nhà 17T10 KĐT Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Số ĐT liên lạc: 026. 350 5505
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
11/2002 - nay	Chuyên viên Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
06/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thư ký Hội đồng thành viên Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP
Số CP nắm giữ: Không có
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

có liên quan:

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

2. Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
Ban kiểm soát		
1	Ông Nguyễn Thanh Long	Trưởng BKS
2	Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên BKS
3	Bà Mai Thị Hạnh Duyên	Thành viên BKS
4	Ông Đinh Huy Chiến	Thành viên BKS

2.1. Ông Nguyễn Thanh Long – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN THANH LONG**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 1971
Nơi sinh: Yên Tiến, Ý Yên, Nam Định
CMND: 012980868 cấp ngày 14/6/2007 tại Công an Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 2 – ngách 91/6 – Phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Số ĐT liên lạc: 026. 350 5505
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
1994-1997	Kế toán viên Công ty TNHH xây dựng Thành Nam
1998-2000	Kế toán viên Công ty TNHH công nghiệp & TM Sao Nam
2001-2003	Kế toán trưởng Công ty CP phát triển công nghệ nông thôn RTD
2004-2005	Kế toán trưởng TT lợn giống trung ương (Công ty chăn nuôi Việt Nam)
2006-2007	Kế toán viên phòng TCKT Công ty khoáng sản - TKV
2007-2010	Kế toán trưởng Công ty luyện đồng Lào Cai (Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

	khoáng sản)
2011-nay	Phó phòng TCKT Công ty khoáng sản TKV – CTCP
05/2013 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: + Phó phòng Kế toán tài chính Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Số CP nắm giữ: Không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

2.2. Ông Nguyễn Văn Thảo – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN THẢO**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 1965

Nơi sinh: Hưng Đạo, Hòa An, Cao Bằng

CMND: 080179463 cấp ngày 20/8/2007 tại Công an Cao Bằng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 26, Phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Số ĐT liên lạc: 026. 350 5505

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
6/1983 - 9/1984	Nhân viên Phòng Bảo vệ Mỏ thiếc Tĩnh Túc-Cao Bằng
10/1984 - 10/1987	Học viên Trường THPT mỏ Đông Triều - Quảng Ninh
11/1987 - 01/1991	Nhân viên phòng KTSX - Mỏ thiếc Tĩnh Túc - Cao Bằng
02/1991 - 11/1993	Nhân viên phòng Điều độ Mỏ thiếc Tĩnh Túc - Cao Bằng
12/1993 - 9/2005	Nhân viên phòng KTCN - Mỏ thiếc Tĩnh Túc - Cao Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

10/2005 - 6/2006	Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty
7/2006 - 12/2010	Phó chủ tịch Công đoàn Công ty kiêm Chánh Văn phòng Công ty CP KS & LK Cao Bằng
01/2011 đến nay	Chủ tịch Công đoàn Công ty.
07/2006 đến nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS kiêm Chủ tịch Công Đoàn

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số CP nắm giữ: 4.190 cổ phần. chiếm 0.05% Vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: Không

+ Cá nhân sở hữu: 4.190 cổ phần. chiếm 0.05% Vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

2.3. Bà Mai Thị Hạnh Duyên – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **MAI THỊ HẠNH DUYẾN**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 1977

Nơi sinh: Cao Bằng

CMND: 080413683 cấp ngày 18/6/2009 tại Công an Cao Bằng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Phường Hòa Chung, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Số ĐT liên lạc: 026. 350 5505

Trình độ chuyên môn: Đại Học

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
9/1999 – 12/2002	Nhân viên Phòng Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Khoáng sản I Cao Bằng
1/2003 – 6/2006	Phòng Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Khoáng sản và Luyện

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

	kim Cao Bằng
7/2006 – 12/2008	Nhân viên Phòng Kế hoạch và Đầu tư, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, chức vụ: nhân viên
1/2009 – 11/2009	Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
12/2009 – 3/2010	Trưởng phòng Kế hoạch, Xí nghiệp Sắt Nà Lũng, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
4/2010 đến nay	Phó phòng Kế hoạch – Đầu tư, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
05/2013 đến nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát, Phó Phòng Kế hoạch – Đầu tư.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ: 1.143 cổ phần. chiếm 0.01% Vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: Không

+ Cá nhân sở hữu: 1.143 cổ phần. chiếm 0.01% Vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

2.4. Ông Đinh Huy Chiến – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: ĐINH HUY CHIẾN

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/04/1966

Nơi sinh: Hưng Yên

CMND: 090497380 cấp ngày 10/07/2009 tại Công an Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Khối phố 3, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh TN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Số ĐT liên lạc: 026. 3 505 505

Trình độ chuyên môn: Đại Học

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
01/2006 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Cao Bằng
07/2006 đến nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Cao Bằng.
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Chiến Công (Tuyên Quang)
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công (Thái Nguyên)
- Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
- Phó chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam

Số CP nắm giữ: 1.142.857 cổ phần. chiếm 14,3% Vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: Không

Cá nhân sở hữu: 1.142.857 cổ phần. chiếm 14,3% Vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

3. Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ
Ban điều hành		
	Ông Đàm Trung Kỳ	
1	(xem mục HĐQT)	Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ
	Ông Nguyễn Minh Tâm	
2	<i>(xem mục HĐQT)</i>	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Tiến Hào	Phó Giám đốc
4	<i>Bà Nông Thị Mùi</i>	Kế toán trưởng

3.1. Ông Nguyễn Tiến Hào – Phó Giám đốc

Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN HẢO**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 17/02/1967
Nơi sinh: Xã Tân Hòa, Huyện Phú Bình, Thái Nguyên
CMND: 080166579 cấp ngày 25/6/2010 tại Cao Bằng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Phường Hợp Giang Thành phố Cao Bằng
Số ĐT liên lạc: 026. 350 5505
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
11/1988 -12/1989	Công nhân phân xưởng Điện lực Mỏ Thiếc – Cao Bằng
01/1990 – 8/1994	Cán bộ phòng cơ điện Mỏ Thiếc Cao Bằng
9/1994 – 12/1996	Công nhân Xí nghiệp Thiếc Công ty Kim loại màu Cao Bằng
01/1997 – 5/1998	Công nhân Xí nghiệp Thiếc Công ty Khoáng sản I Cao Bằng
6/1998 – 9/2003	Nhân viên Phòng Kỹ thuật công nghệ môi trường, Công ty Khoáng sản I Cao Bằng
10/2003 – 6/2006	Nhân viên Phòng Cơ khí Luyện kim, Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
7/2006 – 7/2007	Nhân viên Phòng Cơ điện – Luyện kim, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
8/2007 – 9/2008	Nhân viên phòng Tổ chức lao động, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
10/2008 – 12/2008	Nhân viên Phòng An toàn – Môi trường, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

01/2009 – 8/2009	Nhân viên phòng Tổ chức Lao động – Tiền lương, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
9/2009 – 9/2010	Trưởng phòng Kỹ thuật - An toàn Xí nghiệp Điện cơ, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
10/2010 – 7/2011	Phó giám đốc Xí nghiệp Điện cơ, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
8/2011 – 7/2013	Trưởng phòng Cơ điện - Luyện kim, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
8/2013 – nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Giám đốc
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Số CP nắm giữ: 1.600 cổ phần. chiếm 0,02% Vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 1.600 cổ phần. chiếm 0,02% Vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. chiếm 0% Vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

3.2. Bà Nông Thị Mùi – Trưởng phòng Kế toán – Tài chính

Họ và tên: **NÔNG THỊ MÙI**
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 1972
Nơi sinh: Lãng Hiếu, Trùng Khánh, Cao Bằng
CMND: 080401794 cấp ngày 12/6/2013 tại Công an Cao Bằng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Tày
Địa chỉ thường trú: Tổ 2 – Phường Tân Giang – TP Cao Bằng
Số ĐT liên lạc: 026. 3 505 505
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán
Quá trình công tác:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 2000 – 11/2006	Kế toán viên Xí nghiệp sắt Nà lũng – Công ty sắt Cao Bằng
+ 12/2006 -3/2010	Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp sắt Nà lũng – Công ty CP khoáng sản và luyện kim Cao Bằng
+ 4/2010-11/2013	Phó phòng Kế toán tài chính – Công ty CP Khoáng sản và luyện kim Cao Bằng
+ 12/2013-6/2015	Phụ trách phòng Kế toán tài chính – Công ty CP Khoáng sản và luyện kim Cao Bằng
+ 7/2015- nay	Trưởng phòng Kế toán tài chính – Công ty CP Khoáng sản và luyện kim Cao Bằng

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng phòng Kế toán tài chính
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số CP nắm giữ: 1.649 cổ phần. chiếm 0,02% Vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty đã ban hành các quy chế nhằm củng cố và tăng cường quản trị tại Công ty như Quy chế tài chính, quy chế quản trị chi phí, giá thành của công ty. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tiếp tục thực hiện việc cơ cấu tổ chức và ban hành các quy chế khác để tuân thủ quản trị công ty đại chúng theo quy định của pháp luật đồng thời thực hiện chỉnh sửa Điều lệ, các văn bản liên quan phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/7/2015.

Đối với hoạt động công bố thông tin sau khi được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sàn giao dịch Upcom của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

IV. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. **Phụ lục III:**
 - BCTC kiểm toán năm 2014;
 - BCTC 6 tháng đầu năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Cao Bằng, ngày 09. tháng 11. năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Đàm Trung Kỳ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Trần Thăng Long